TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L **TỈNH VĨNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2022
Tranh chấp về việc "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C

2. Bà Võ Thị Bích N

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia)

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 tranh chấp về việc " *Xin ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXX-STHN, ngày 18 tháng 4 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-HN, ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Bà Ngô Tú C - Sinh năm 1980 (có mặt)*

Cư trú tại nhà số 173/9, Khóm 2, Phường 9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: *Ông Nguyễn Văn L - Sinh năm 1964 (vắng mặt)*

Cư trú tại nhà số 173/9, Khóm 2, Phường 9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/01/2022 và các lời khai có trong hồ sơ thể hiện: Hôn nhân giữa bà C và ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố Vĩnh L vào ngày 16/6/2016. Về con chung, bà C và ông L có với nhau 01 con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 05/6/2016, hiện tại bà C và ông L đang chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà C khai: Cách đây 02, 03 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hòa hợp. Ông L tính cọc cằn, thô lỗ từ chuyện nhỏ cũng buông lời chửi tục. Ngoài ra, ghen tuông vô cớ nhưng không nói ra được cụ thể sự việc thế nào. Bà C xác định không còn tình cảm với ông L, yêu cầu được ly hôn. Khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà C kinh doanh nước giải khát (café), thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng và hiện đang sinh sống tại nhà số 64G/12, đường Phan Văn Đáng, Phường

9, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Về tài sản chung và nợ tài sản, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Ông L phản bác rằng:** Giữa vợ chồng không có sự bất đồng quan điểm và không có cự cãi nhau. Từ việc bà C bán quán cà phê, có một lần ông L về lúc 4 giờ sáng và bắt gặp bà C ngoại tình nhưng không có bằng chứng. Đây là lý do bà C xin ly hôn. Ông L không đồng ý ly hôn với bà C, vì con chung còn nhỏ. Nếu ly hôn, ông L yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà C cấp dưỡng. Hiện tại, ông L làm tài xế, có thu nhập 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, chỉ có tài sản riêng là căn nhà tường cấp 4 số 173/9, Khóm 2, Phường 9, thành phố Vĩnh L gắn liền thửa đất loại thổ, diện tích 120m^2 tại khu đất Khóm 2, Phường 9, thành phố Vĩnh L, do cá nhân ông L đứng tên quyền sử dụng đất.

Về nợ: Hiện tại ông L và bà C đang vay tiền 350.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng Phường 9, thành phố Vĩnh L và thế chấp nhà đất số 173/9, Khóm 2, Phường 9, thành phố Vĩnh L. Số tiền vay này chưa đến hạn trả nợ, ông L yêu cầu phản tố đối với bà C, yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nợ tài sản. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày 23/3/2022 ông L nộp đơn phản tố. Hết thời hạn này, không nộp đơn thì coi như từ bỏ yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C giữ nguyên lời khai trong đơn khởi kiện và lời khai tại phiên hòa giải và không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình. Bà C xác định, ông L có phụ giúp kinh tế gia đình từ thu nhập nghề tài xế nhưng đây không phải là nguyên nhân quyết định ly hôn. Cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn đến nay hơn hai năm, ông L luôn có thái độ, lời nói cọc cằn, thô lỗ làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, đến nay bà C không còn tình cảm với ông L, yêu cầu được ly hôn. Về con chung, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C xác định về tài sản là có nợ nhưng không tranh chấp, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L vắng mặt, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 09/5/2022, lần hai vào ngày 14/6/2022 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 30/5/2022 và phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 20/6/2022 nhưng ông L vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Xét đây là tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L đã tống đạt văn bản tố tụng để triệu tập ông L tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo luật định.

[2]. Hôn nhân giữa bà C và ông L có đăng ký kết hôn là tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 16/6/2016.

Về hôn nhân, bà C xác định từ việc bất đồng quan điểm giữa vợ chồng làm cho tình cảm rạn nứt, đến nay bà C không còn tình cảm với ông L. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét yêu cầu ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung, ông L làm nghề tài xế thường xuyên vắng nhà, phía bà C kinh doanh mua bán tại địa phương, có kinh tế có thu nhập ổn định. Do đó, giao con chung Nguyễn Duy T cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà C, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà C và ông L phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với ông L có yêu cầu phản tố trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày 23/3/2022. Đến ngày Tòa án ra quyết định xét xử, ông L vẫn không nộp đơn phản tố. Vì vậy, dành cho ông L được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác, khi có tranh chấp và yêu cầu.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà C phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số $N^0$0000989 ngày 26/01/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; bà C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông L không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 và Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Ngô Tú C và ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho bà C tiếp tục, trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy T, sinh ngày 05/6/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Duy T.

Ông L được quyền tới thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Dành cho ông L được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác, khi có tranh chấp và yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số N^{0}0000989 ngày 26/01/2022 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; bà C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông L không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các bên đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với bà C được tính từ ngày tuyên án, riêng ông L được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thu T

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.